TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Y** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 64/2022/HSST Ngày 07 tháng 6 năm 2022	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Nhiên**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trịnh Ngọc Tuấn**

Bà **Ngô Thị TH1 Tân**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Vinh Quy** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Mạnh** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 48/2022/TLST-HS ngày 29 tháng 4 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 51/2022/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 5 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2022/HSST-QĐ ngày 30 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo:

Ngô Đức T, sinh năm 1987. Tên gọi khác: không. Giới tính: nam. Nơi đăng ký HKTT, chỗ ở: thôn T, xã N, huyện Y, tỉnh Hưng Yên. Dân tộc: Kinh. Quốc tịch: Việt Nam. Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: Lớp 9/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Họ tên bố: Ngô Quốc T1. Sinh năm: 1958. Nghề nghiệp: Làm ruộng. Họ tên mẹ: Luyện Thị T2. Sinh năm:1960. Nghề nghiệp: Làm ruộng. Gia đình có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ tư. Vợ: Nguyễn Thị L. Sinh năm 1989. Nghề nghiệp: Làm ruộng. Bị cáo có 02 con, con thứ nhất sinh năm 2008, con thứ hai sinh năm 2010. Tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: Năm 2016 bị Tòa án nhân dân huyện Y xử phạt 11 tháng 12 ngày Cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc. Chấp hành xong bản án ngày 06/01/2017.

Bị cáo T bị tạm giữ từ ngày 23/11/2021 đến ngày 01/12/2021. Hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Trần Văn C1, sinh năm 1982; Địa chỉ: Tổ 20, P, thành phố L, tỉnh L. (Vắng mặt)

2. Anh Nguyễn Văn T3, sinh năm 1989; Địa chỉ: thôn N, xã H, huyện Y, tỉnh Hưng Yên. (Vắng mặt)

3. Anh Luyện Văn S, sinh năm 1986; (Vắng mặt, anh S có đơn xin xét xử vắng mặt)

4. Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1988; (Vắng mặt, anh Q có đơn xin xét xử vắng mặt)

5. Anh Nguyễn Văn T4, sinh năm 1982; (Vắng mặt, anh T4 có đơn xin xét xử vắng mặt)

6. Anh Luyện văn U, sinh năm 1977; (Vắng mặt, anh U có đơn xin xét xử vắng mặt)

7. Anh Nguyễn Hồng S1, sinh năm 2000; (Vắng mặt, anh S1 có đơn xin xét xử vắng mặt)

8. Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1976; (Vắng mặt, anh H1 có đơn xin xét xử vắng mặt)

9. Anh Ngô Thanh T5, sinh năm 1992; (Vắng mặt, anh T5 có đơn xin xét xử vắng mặt)

10. Anh Đặng Hữu H2, sinh năm 1987; (Vắng mặt, anh H2 có đơn xin xét xử vắng mặt)

11. Anh Nguyễn Xuân Đ, sinh năm 1983; (Vắng mặt, anh Đ có đơn xin xét xử vắng mặt)

12. Chị Nguyễn Thị L2, sinh năm 1976; (Vắng mặt, chị L2 có đơn xin xét xử vắng mặt)

13. Anh Ngô Văn T6, sinh năm 1977; (Vắng mặt, anh T6 có đơn xin xét xử vắng mặt)

Đều có địa chỉ: thôn T, xã N, huyện Y, tỉnh Hưng Yên

* *Người làm chứng:*

- Chị Nguyễn Thị L1, sinh năm 1989, (Có mặt)

Địa chỉ: thôn T, xã N, huyện Y, tỉnh Hưng Yên

- Anh Luyện Văn A, sinh năm 1970; (Vắng mặt)

Địa chỉ: thôn X, xã N, huyện Y, tỉnh Hưng Yên

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 15 giờ 30 phút ngày 22/11/2021, Công an huyện Y phối hợp cùng chính quyền địa phương tiến hành kiểm tra phát hiện Ngô Đức T cùng Trần Văn C1và Nguyễn

Văn T3 đang chơi xèng đổi điểm ăn tiền trên máy chơi xèng ký hiệu MD99. Thu giữ: 01 máy chơi xèng ký hiệu MD99, tại màn hình các nút đặt cửa đều sáng đèn, màn hình đang hiển thị số 460 (số điểm của người chơi); thu trên người T số tiền 10.860.000đồng; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax, màu xanh, bên trong lắp 02 sim Viettel và 01 sim điện tử, 01 chiếc ví giả da màu nâu; thu của T3 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7, màu đen, bên trong lắp 01 sim Viettel và số tiền 312.000đồng; thu của C101 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, bên trong lắp 01 sim Viettel và số tiền 220.000đồng.

Cùng ngày, Cơ quan CSĐT Công an huyện Y khám xét khẩn cấp tại quán bi – a Quang T và chỗ ở của Ngô Đức T. Thu giữ trên mặt bàn uống nước kê tại sân của quán Bi - a 01 thẻ chip điều khiển máy chơi xèng; thu tại két sắt trong phòng ngủ của T số tiền 3.000.000đồng; 01 giấy vay tiền ngày 26/5/2018 - người vay Phạm Văn H3 - sinh năm: 1982, nơi cư trú: thôn D - N - Y; 01 mẫu giấy mượn tiền; 01 mẫu giấy mượn xe.

Trên cơ sở dữ liệu được lưu giữ trong chiếc điện thoại di động Iphone 11 promax, màu xanh, đơn đầu thú, lời khai nhận của Ngô Đức T và của những người liên quan cùng các chứng cứ khác đủ cơ sở xác định: Trong khoảng thời gian từ ngày 23/3/2021 đến ngày 22/11/2021, Ngô Đức T đã sử dụng số tiền 147.000.000đồng cho 11 người khác vay tiền với lãi suất từ 3.000đồng/1.000.000đồng/01 ngày đến 5.000đồng/1.000.000đồng/01 ngày; Tương đương với mức lãi suất 0,3% đến 0,5%/ngày và 109,5% đến 182,5%/năm, cao hơn từ 5,475 đến 9,125 lần so với quy định tại Điều 468 – Bộ luật dân sự (Lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm). Đã thu được tổng số tiền lãi là: 71.500.000đồng, trong đó được phép thu theo quy định của tại Điều 468 Bộ luật dân sự (20%/năm, 0,054794%/ngày) là**: 9.718.900đồng**, số tiền thu lợi bất chính là: **61.781.100đồng**. Cụ thể:

1. Ngày 23/3/2021, anh Luyện Xuân S vay 20.000.000đồng, T và anh S thỏa thuận lãi suất bằng miệng là: 3000đ/1.000.000đ/01 ngày. Anh S đã trả tiền lãi đến ngày 23/10/2021, đến nay chưa trả tiền gốc, kỳ trả lãi tiếp theo là ngày 23/11/2021 nhưng ngày 22/11/2021 đã bị phát hiện nên T chưa thu lãi. Tổng số tiền lãi T đã thu được của anh S là 12.600.000đồng. Số tiền thu lời bất chính là 10.243.837đồng.

2. Ngày 25/3/2021, anh Nguyễn Văn Q vay số tiền 10.000.000đồng, T và anh Q thỏa thuận lãi suất bằng miệng là: 5.000đồng/1.000.000đồng/01ngày. Anh Q đã trả tiền lãi đến ngày 25/10/2021, đến nay chưa trả gốc, kỳ trả lãi tiếp theo là ngày 25/11/2021 nhưng ngày 22/11/2021đã bị phát hiện nên T chưa thu lãi. Tổng số tiền lãi T đã thu được là 10.500.000đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 9.321.918đồng.

3. Ngày 24/4/2021, anh Nguyễn Văn T4 vay của T số tiền 10.000.000đồng, T và anh T4 thỏa thuận lãi suất bằng miệng là: 5.000đồng/1.000.000đồng/01 ngày. Ngày 24/7/2021, anh T4 đã trả số tiền gốc 10.000.000đồng. Tổng số tiền lãi T đã thu được của anh T4 là 4.500.000đồng. Số tiền thu lời bất chính là 3.995.891đồng.

4. Ngày 05/5/2021, anh Luyện Văn U vay của T số tiền 20.000.000đồng, T và anh Uy thỏa thuận lãi suất bằng miệng là: 5.000đ/1.000.000đ/01 ngày. Đến ngày

05/8/2021, anh U đã trả T số tiền gốc 20.000.000đồng. Tổng số tiền lãi T đã thu được của anh Uy là 9.000.000đồng. Số tiền thu lời bất chính là 7.980.822đồng.

5. Ngày 27/6/2021, anh Nguyễn Hồng S1, sinh năm 2000, ở thôn T, xã N, huyện Y vay của T số tiền 7.000.000đồng, T và anh S1 thỏa thuận lãi suất bằng miệng là: 5.000đồng/1.000.000đ/01 ngày, T trừ lãi trước tiền lãi của 01 tháng là 1.000.000đồng, chỉ đưa cho anh S1 số tiền 6.000.000đồng. Đến ngày 27/7/2021, anh S1 đã trả T số tiền gốc 7.000.000đồng. Tổng số tiền lãi T đã thu được là 1.000.000đồng. Số tiền đã thu lời bất chính là 881.086đồng.

6. Ngày 01/7/2021, anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1976, ở thôn T, xã N, huyện Y vay của T số tiền 10.000.000đồng, T và anh H1 thỏa thuận lãi suất bằng miệng là: 3.000đồng/1.000.000đồng/01 ngày. Đến ngày 01/10/2021, anh H1 đã trả T số tiền 10.000.000đồng. Tổng số tiền lãi T đã thu được là 2.700.000đồng. Số tiền thu lời bất chính là 2.190.411đồng.

7. Ngày 01/7/2021, anh Ngô Thanh T5, sinh năm 1992, ở thôn T, xã N, huyện Y vay của T số tiền 20.000.000đồng, T và anh T5 thỏa thuận lãi suất bằng miệng là: 5.000đồng/1.000.000đồng/01 ngày, T cắt lãi trước số tiền 3.000.000đồng là tiền lãi của 01 tháng, chỉ đưa cho anh T5 số tiền 17.000.000đồng. Đến ngày 16/8/2021, anh T5 đã trả T số tiền gốc 20.000.000đồng. Tổng số tiền lãi T đã thu được là 4.500.000đồng. Số tiền thu lời bất chính là 3.984.932đồng.

8. Ngày 17/7/2021, anh Đặng Hữu H2, sinh năm 1987, ở thôn T, xã N, huyện Y vay của T số tiền 20.000.000đồng, T và anh H2 thỏa thuận lãi suất bằng miệng là 5.000đồng/1.000.000đồng/01 ngày, T cắt lãi trước số tiền 3.000.000đồng, đưa cho anh H2 số tiền 17.000.000đồng, Đến ngày 17/8/2021, anh H2 và T thỏa thuận giảm mức lãi suất xuống còn 3.000đồng/1.000.000đồng/01ngày. Anh H2 đã trả tiền lãi tính đến ngày 16/12/2021, đến nay chưa trả tiền gốc. Tổng số tiền lãi T đã thu được là 10.200.000đồng. Số tiền thu lời bất chính là 8.523.288đồng.

9. Ngày 02/8/2021, anh Nguyễn Xuân Đ, sinh năm 1983, ở thôn T, xã N, huyện Y vay của T số tiền 10.000.000đồng. T và anh Đ thỏa thuận lãi suất bằng miệng là 5.000đồng/1.000.000đồng/01 ngày, T cắt lãi trước số tiền 1.500.000đồng, chỉ đưa cho anh Đ số tiền 8.500.000đồng, anh Đ đã trả tiền lãi tính đến ngày 01/12/2021, đến nay chưa trả tiền gốc. Tổng số tiền lãi T đã thu là 6.000.000đồng. Số tiền đã thu lời bất chính là 5.331.507đồng.

10. Ngày 06/8/2021, chị Nguyễn Thị L2, sinh năm 1976, ở thôn T, xã N, huyện Y vay của T số tiền 10.000.000đồng, T và chị L2 thỏa thuận lãi suất bằng miệng là 5.000đồng/1.000.000đồng/01 ngày, T cắt lãi trước số tiền 1.500.000đồng, chỉ đưa cho chị L2 số tiền 8.500.000đồng. Chị L2 đã trả tiền lãi tính đến ngày 05/12/2021 là 6.000.000đồng, đến nay chưa trả tiền gốc. Tổng số tiền lãi đã thu được là 6.000.000đồng. Số tiền thu lời bất chính là 5.331.507đồng.

11. Ngày 23/8/2021, anh Ngô Văn T6, sinh năm 1977, ở thôn T, xã N, huyện Y vay của T số tiền 10.000.000đồng, T và anh T6 thỏa thuận lãi suất bằng miệng là 5.000đồng/1.000.000đồng/01 ngày, T cắt lãi trước số tiền 1.500.000đồng, chỉ đưa cho anh T6 số tiền 8.500.000đồng. Sáng ngày 22/11/2021, anh T6 đã trả 10.000.000đ tiền

gốc. Tổng số tiền lãi T đã thu được là 4.500.000đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 3.995.891đồng.

Quá trình điều tra, 11 người vay tiền có tên nêu trên đều xác định có sự việc vay tiền và trả lãi với nội dung nêu trên và khẳng định tiền vay được sử dụng vào mục đích hợp pháp. Những người vay đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Ngoài những người đã vay tiền đã làm việc được nêu trên, T còn khai nhận ngày 19/4/2021, có cho anh Luyện Văn H2, sinh năm 1984, ở thôn E, xã N, huyện Y vay số tiền 10.000.000đồng, thỏa thuận lãi suất bằng miệng là: 5.000đồng/1.000.000đồng/01ngày, T cắt lãi trước số tiền 1.500.000đồng, chỉ đưa cho anh Hợp số tiền 8.500.000đồng. Đến nay anh H2 chưa trả tiền gốc. Tổng số tiền lãi T đã thu được là 6.000.000đồng. Số tiền đã đã thu lợi bất chính là 5.331.507đồng. Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an huyện Y đã nhiều lần triệu tập anh H2 để làm rõ, nhưng anh H2 đều vắng mặt tại địa phương. Do vậy chưa đủ căn cứ chứng minh, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau.

Đối với 01 giấy vay tiền ghi ngày 26/5/2018 người đứng tên vay là Phạm Văn H3, sinh năm 1982 ở thôn Dịch Trì, xã N, huyện Y, người cho vay là K không rõ địa chỉ. Quá trình điều tra không làm việc được với anh H3 và không xác định được nhân thân lai lịch của người tên Trường nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y tiếp tục điều tra xử lý.

Kết quả điều tra xác định, ngày 22/11/2021 Ngô Đức T, Nguyễn Văn T3, Trần Văn C1có hành vi Đánh bạc dưới hình thức chơi xèng với số tiền 4.000.000đồng. Ngoài ra T3 còn có hành vi mua số lô số đề vào các ngày 28/10/2021, 15/11/2021 và ngày 21/11/2021, mỗi ngày đánh bạc đều dưới 5.000.000đồng và đều không trúng. Ngày 31/3/2022, Công an huyện Y đã ra Quyết định xử phạt hành chính đối với T, T3, C1về hành vi đánh bạc và đã xử lý tang vật chứng liên quan hành vi đánh bạc theo Nghị định 167/NĐ-CP của Chính Phủ.

Đối với hành vi bán số lô số đề cho Nguyễn Văn T3 của những người khác, Cơ quan điều tra đã tách ra xử lý ở vụ án khác (theo quyết định khởi tố vụ án số 116 ngày 01/12/2021 Của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y).

Quá trình điều tra, Ngô Đức T đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại Bản Cáo trạng số 55/QĐ-VKS-YM ngày 29/4/2022 của Viện kiểm sát huyện Y đã truy tố Ngô Đức T về tội: Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, theo quy định tại khoản 1 Điều 201 - Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà hôm nay:

- Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi của mình như Cáo trạng đã truy tố và đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo T xác nhận toàn bộ số tiền gốc bị cáo bỏ ra cho những người vay là 147.000.000đồng đến thời điểm này bị cáo đã thu lại hết, đối với số tiền 61.781.000đồng là tiền bị cáo thu lợi bất chính của anh Luyện Văn S, anh Nguyễn Văn Q, anh Nguyễn Văn T4, anh Luyện Văn U, anh Nguyễn Hồng S1, anh Nguyễn Văn H1, anh Ngô TH1 T5, anh Đặng Hữu H2, anh Nguyễn Xuân Đ, chị Nguyễn Thị L2, anh Nguyễn Văn T6, bị cáo đã trả đủ cho những người trên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên toà có quan điểm xác định sự vắng mặt của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và người làm chứng tại phiên tòa không ảnh H2 đến việc xét xử bị cáo và quyền lợi của họ nên đề nghị tiếp tục xét xử vụ án. Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố; Sau khi phân tích, đánh giá, tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử T4 bố Ngô Đức T phạm tội: Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự , Điều 100 Luật thi hành án hình sự.

Xử phạt bị cáo Ngô Đức T từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng cải tạo không giam giữ, thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã N, huyện Y, tỉnh Hưng Yên nhận được quyết định thi hành án và bản S bản án bị cáo được trừ 27 ngày tạm giữ. Miễn Khấu trừ một phần thu nhập và hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tống tụng hình sự.

Trả lại cho bị cáo Ngô Đức T số tiền 9.860.000đồng, 01 chiếc ví giả da màu nâu, 01 chứng minh thư mang tên Ngô Đức T, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs, màu vàng, bên trong lắp 01 sim và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen trắng, bên trong lắp 01 sim đã thu giữ của bị cáo không liên quan đến tội phạm.

Tịch thu cho phát mại nộp Ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax, màu xanh. Cho tiêu hủy 02 sim Viettel và 01 sim điện tử là phương tiện dùng vào việc phạm tội.

Truy thu nộp Ngân sách nhà nước của Ngô Đức T số tiền 147.000.000 đồng là tiền bị cáo sử dụng cho vay để thu lợi bất chính và số tiền 9.718.900đồng là tiền T thu lãi trong hoạt động cho vay theo quy định nên liên quan đến tội phạm.

Đối với số tiền 61.781.000đồng là tiền T thu lợi bất chính của anh Luyện Văn S, anh Nguyễn Văn Q, anh Nguyễn Văn T4, anh Luyện Văn U, anh Nguyễn Hồng S1, anh Nguyễn Văn H1, anh Ngô Thanh T5, anh Đặng Hữu H2, anh Nguyễn Xuân Đ, chị Nguyễn Thị L2, anh Nguyễn Văn T6, những người này đã nhận lại đủ số tiền mà T đã thu và không có yêu cầu đề nghị gì về trách nhiệm dân sự

- Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Y, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi,

quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

Về thủ tục tố tụng tại phiên tòa: Bị cáo và đại diện VKSND huyện Y đều đề nghị tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình điều tra người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt đã có đầy đủ lời khai, thể hiện rõ quan điểm nên sự vắng mặt của họ tại phiên tòa không ảnh hưởng đến việc xét xử các bị cáo cũng như quyền lợi của họ, một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt họ. Vì vậy, HĐXX quyết định xét xử vụ án là hoàn toàn phù hợp với quy định pháp luật.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ ngày 23/3/2021 đến ngày 22/11/2021, tại nơi ở của Ngô Đức T ở thôn T, xã N, huyện Y, tỉnh Hưng Yên. Ngô Đức T đã có hành vi sử dụng số tiền 147.000.000 đồng cho 11 người vay với lãi suất từ 3.000 đồng - 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, tương đương với mức lãi suất 0,3% đến 0,5%/1 ngày và 109,5% đến 182,5%/năm, cao gấp từ 5,475 đến 9,125 lần của mức lãi suất cao nhất của quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Tổng số tiền lãi đã thu được là 71.500.000 đồng - 9.718.900đồng (số tiền lãi theo quy định). Số tiền thu lợi bất chính là 61.781.100 đồng.

Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ được việc cho vay mức lãi suất cao gấp từ 5,475 đến 9,125 lần của mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đã thu lợi bất chính được số tiền là 61.781.100 đồng. Nên hành vi của bị cáo đã có đầy đủ yếu tố cấu thành tội: "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" được quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Hưng Yên truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Vụ án trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý tín dụng của Nhà nước, gây thiệt hại đến lợi ích của người đi vay. Do tham lam nên bị cáo đã đưa ra mức lãi quá cao để thu lợi bất chính tiền của người đi vay, hành vi này là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự coi thường pháp luật. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Cần xem xét cho bị cáo trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải. Sau khi phạm tội đã ra đầu thú. Bị cáo có đơn trình bày hoàn cảnh khó khăn xin được cải tạo tại địa phương có xác nhận của chính quyền nơi bị cáo cư trú. Nên bị cáo sẽ được hưởng những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản

2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, có khả năng tự cải tạo nên cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo là phù hợp, giao bị cáo cho Uỷ ban nhân dân xã nơi bị cáo cư trú, giám sát, giáo dục.

[4]. Về khấu trừ thu nhập và hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì trường hợp hình phạt chính được áp dụng không phải hình phạt tiền thì phải xem xét áp dụng nghiêm khắc hình phạt bổ sung là phạt tiền, tuy nhiên theo kết quả xác minh của Cơ quan điều tra thì bị cáo hiện không có nghề nghiệp nên không có thu nhập gì, bản thân không có tài sản gì giá trị. Ngày 29/5/2022 bị cáo T có đơn trình bày điều kiện, hoàn cảnh khó khăn, hiện không có nghề nghiệp nên không có thu nhập gì, lại phải nuôi bố mẹ già và con nhỏ, bản thân là lao động chính trong gia đình được UBND xã N xác nhận nên HĐXX thấy cần miễn khấu trừ thu nhập và hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5]. Về biện pháp tư pháp: Bị cáo đã cho:

1. Anh Luyện Xuân S vay 20.000.000đồng, nay anh S chưa trả gốc cho bị cáo. Tổng số tiền lãi T đã thu được của anh S là 12.600.000đồng. Số tiền thu lời bất chính là 10.243.837đồng. Anh S không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền 10.243.837đồng.

2. Anh Nguyễn Văn Q vay số tiền 10.000.000đồng, chưa trả tiền gốc. Tổng số tiền lãi T đã thu được là 10.500.000đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 9.321.918đồng.

3. Ngày 24/4/2021, anh Nguyễn Văn T4 vay của T số tiền 10.000.000đồng, anh T4 đã trả số tiền gốc 10.000.000đồng. Tổng số tiền lãi T đã thu được của anh T4 là 4.500.000đồng. Số tiền thu lời bất chính là 3.995.891đồng.

4. Ngày 05/5/2021, anh Luyện Văn U vay của T số tiền 20.000.000đồng. Đến ngày 05/8/2021, anh Uy đã trả T số tiền gốc 20.000.000đồng. Tổng số tiền lãi T đã thu được của anh U là 9.000.000đồng. Số tiền thu lời bất chính là 7.980.822đồng.

5. Ngày 27/6/2021, anh Nguyễn Hồng S1 vay của T số tiền 7.000.000đồng. Đến ngày 27/7/2021, anh S1 đã trả T số tiền gốc 7.000.000đồng. Tổng số tiền lãi T đã thu được là 1.000.000đồng. Số tiền đã thu lời bất chính là 881.086đồng.

6. Ngày 01/7/2021, anh Nguyễn Văn H1 vay của T số tiền 10.000.000đồng. Đến ngày 01/10/2021, anh H1 đã trả T số tiền 10.000.000đồng. Tổng số tiền lãi T đã thu được là 2.700.000đồng. Số tiền thu lời bất chính là 2.190.411đồng.

7. Ngày 01/7/2021, anh Ngô Thanh T5 vay của T số tiền 20.000.000đồng. Đến ngày 16/8/2021, anh T5 đã trả T số tiền gốc 20.000.000đồng. Tổng số tiền lãi T đã thu được là 4.500.000đồng. Số tiền thu lời bất chính là 3.984.932đồng.

8. Ngày 17/7/2021, anh Đặng Hữu H2 vay của T số tiền 20.000.000đồng, đến nay chưa trả tiền gốc. Tổng số tiền lãi T đã thu được là 10.200.000đồng. Số tiền thu lời bất chính là 8.523.288đồng.

9. Ngày 02/8/2021, anh Nguyễn Xuân Đ vay của T số tiền 10.000.000đồng. đến nay chưa trả tiền gốc. Tổng số tiền lãi T đã thu là 6.000.000đồng. Số tiền đã thu lời bất chính là 5.331.507đồng.

10. Ngày 06/8/2021, chị Nguyễn Thị L2 vay của T số tiền 10.000.000đồng, đến nay chưa trả tiền gốc. Tổng số tiền lãi đã thu được là 6.000.000đồng. Số tiền thu lời bất chính là 5.331.507đồng.

11. Ngày 23/8/2021, anh Ngô Văn T6 vay của T số tiền 10.000.000đồng,. Sáng ngày 22/11/2021, anh T6 đã trả 10.000.000đ tiền gốc. Tổng số tiền lãi T đã thu được là 4.500.000đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 3.995.891đồng.

Tại phiên tòa bị cáo T xác định anh S, anh Q, anh H2, anh Đ và chị L2 đều đã trả bị cáo số tiền gốc mà bị cáo đã cho vay rồi, như vậy Ngô Đức T đã bỏ ra tổng số tiền là 147.000.000đồng mà bị cáo sử dụng để cho vay được xác định là phương tiện dùng vào việc phạm tội và số tiền 9.718.900đồng (Tiền lãi hợp pháp được phép thu) là khoản tiền liên quan đến việc phạm tội nên cần phải truy thu của bị cáo để sung quỹ theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, b khoản 2 Điều 106 BLTTHS; điểm a, b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Đối với số tiền 61.781.100 đồng mà bị cáo đã thu của anh Luyện Văn S, anh Nguyễn Văn Q, anh Nguyễn Văn T4, anh Luyện Văn U, anh Nguyễn Hồng S1, anh Nguyễn Văn H1, anh Ngô Thanh T5, anh Đặng Hữu H2, anh Nguyễn Xuân Đ, chị Nguyễn Thị L2, anh Nguyễn Văn T6, đây là khoản tiền lãi mà bị cáo thu vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự, là khoản tiền không được phép thu nên cần buộc bị cáo trả lại cho những người vay tiền trên, bị cáo và những người trên xác nhận đã trả cho nhau khoản tiền này và anh S, anh Q, anh T4, anh U, anh S1, anh H1, anh T5, anh H2, anh Đ, chị L2, anh T6 xác nhận đã nhận đủ và không yêu cầu gì khác đối với bị cáo nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[6]. Về vật chứng: Quá trình điều tra Cơ quan CSĐT đã thu giữ: của bị cáo Ngô Đức T số tiền 10.860.000đồng trong đó có số tiền 2.000.000đồng là tiền T đánh bạc còn lại số tiền 8.860.000đồng là tiền không liên quan đến tội phạm tuy nhiên tại cơ quan điều tra, cơ quan điều tra yêu cầu T giao nộp số tiền đánh bạc còn lại là 2.000.000đồng thì T đồng ý và đề nghị cơ quan điều tra trích từ số tiền thu giữ trên của T, do đó số tiền T sử dụng đánh bạc là 4.000.000đồng sẽ được trừ từ số tiền 10.860.000đồng đã thu giữ của T nên số tiền còn lại là 6.860.000đồng đã thu giữ của T, ngoài ra khi khám xét tại nhà T đã thu giữ số tiền 3.000.000đồng là tiền không liên quan đến tội phạm, nên sẽ trả lại cho bị cáo tổng số tiền 9.860.000đồng.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax, màu xanh là phương tiện dùng vào việc phạm tội nên sẽ tịch thu phát mại nộp ngân sách nhà nước. Cho tiêu hủy 01 sim Viettel và 01 sim điện tử được nắp bên trong điện thoại theo điểm a khoản 1 điều 47 BLHS và điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS

Đối với 01 chiếc ví giả da màu nâu và 01 chứng minh thư mang trên Ngôc Đức T đã thu giữ của T không liên quan tội phạm nên sẽ trả lại cho T;

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs, màu vàng, bên trong lắp 01 sim và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen trắng, bên trong lắp 01 sim đã thu giữ của T không liên quan đến tội phạm nên sẽ trả lại cho T.

[8]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ áp dụng pháp luật: khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36; điểm a, b khoản 1, 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự. Điểm a, b khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 100 Luật thi hành án hình sự Áp dụng BLHS. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

2. Về tội danh: T4 bố bị cáo Ngô Đức T phạm tội: "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"

3. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Ngô Đức T 12 (*Mười hai*) tháng cải tạo không giam giữ được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 23/11/2021 đến ngày 01/12/2021 là 09 ngày quy đổi (09x3) = 27 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan, Tổ chức được giao giám sát, giáo dục nhận được Quyết định thi hành án và bản S bản án.

Miễn khấu trừ thu nhập và hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo T

4. Về biện pháp tư pháp: Tịch thu của bị cáo Ngô Đức T số tiền 147.000.000đồng (*Một trăm bốn mươi bảy triệu đồng*) và số tiền 9.718.900đồng (*Chín triệu bảy trăm mười tám nghìn chín trăm đồng*) để sung vào Ngân sách Nhà nước.

5. Về vật chứng: Tịch thu cho phát mại nộp Ngân sách Nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax, màu xanh. Cho tiêu hủy 01 sim Viettel và 01 sim điện tử lắp bên trong điện thoại được niêm phong trong phong bì kín, ký hiệu N2;

Trả lại bị cáo Ngô Đức T:

- Số tiền 9.860.000đồng (*Chín triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng*);
- 01 chiếc ví giả da màu nâu có ghi chữ JaGuar;
- 01 chứng minh thư mang tên Ngô Đức T;
- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs max, màu vàng, bên trong lắp 01 sim được niêm phong trong phong bì kín, ký hiệu N3
- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen - trắng, bên trong lắp 01 sim được niêm phong trong phong bì kín, ký hiệu N4

(Đặc điểm chi tiết theo biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 25/5/2022 giữa Công an huyện Y và Chi cục thi hành án dân sự huyện Y).

4. Về án phí: Buộc bị cáo Ngô Đức T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm ./.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Hưng Yên
- VKSND huyện Y.
- Chi cục THA dân sự huyện Y.
- Công an huyện Y.
- Người TGTT.
- UBND xã N
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Nhiên